**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH RÀ SOÁT BỔ SUNG**

**MÔN SINH HỌC**

**NGÀY TẬP HUẤN: 15/03/2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung**  **/Chủ đề** | **Nội dung**  **bổ sung** | **Cách thức thực hiện** *(lồng ghép khi dạy nội dung…./lồng ghép khi ôn tập nội dung…/cho HS tự đọc, tự nghiên cứu, GV hỗ trợ, nhận xét…/…..)* | **Ghi chú** |
| **1** | **Các thí nghiệm của Menđen** | - Nêu được khái niệm di truyền, khái niệm biến dị.  - Nêu được ý tưởng của Mendel là cơ sở cho những nghiên cứu về nhân tố di truyền (gene).  - Dựa vào thí nghiệm lai một cặp tính trạng, nêu được các thuật ngữ trong nghiên cứu các quy luật di truyền: tính trạng, nhân tố di truyền, cơ thể thuần chủng, cặp tính trạng tương phản,  - Dựa vào thí nghiệm lai một cặp tính trạng, nêu được tính trạng trội, tính trạng lặn, kiểu hình, kiểu gene, allele (alen), dòng thuần.  - Phân biệt, sử dụng được một số kí hiệu trong nghiên cứu di truyền học (P, F1, F2, ...).  - Trình bày được thí nghiệm lai phân tích. Nêu được vai trò của phép lai phân tích. | - Lồng ghép khi dạy Bài 66. Tổng kết chương trình toàn cấp (tiếp theo) – Mục V. (Thực hiện trong năm học 2021-2022)  - Lồng ghép khi dạy trong nội dung bài.  - Lồng ghép khi dạy Bài 64- 66. Tổng kết chương trình toàn cấp (tiếp theo) – Mục V. (Thực hiện trong năm học 2021-2022) |  |
| **2** | **Nhiễm sắc thể** | * Nêu được khái niệm nhiễm sắc thể. Lấy được ví dụ chứng minh mỗi loài có bộ nhiễm sắc thể đặc trưng.   - Dựa vào hình ảnh (hoặc mô hình, học liệu điện tử) mô tả được cấu trúc nhiễm sắc thể có lõi là DNA và cách sắp xếp của gene trên nhiễm sắc thể.   * Phân biệt được bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội, đơn bội. Lấy được ví dụ minh hoạ. | Link hs tham khảo nội dung:  https://www.xetnghiemadnchacon.com/chuc-nang-nhiem-sac-the/. |  |
| **3** | **Nguyên phân và giảm phân** | * Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình nguyên phân nêu được khái niệm nguyên phân. * Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ, học liệu điện tử) về quá trình giảm phân nêu được khái niệm giảm phân. * Phân biệt được nguyên phân và giảm phân. * Nêu được nhiễm sắc thể vừa là vật chất mang thông tin di truyền vừa là đơn vị truyền đạt vật chất di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể. * Trình bày được cơ chế biến dị tổ hợp thông qua sơ đồ đơn giản về quá trình giảm phân và thụ tinh (minh hoạ bằng sơ đồ lai 2 cặp gene).   - Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn. | * Lồng ghép khi dạy nội dung ôn tập tổng kết chương cuối năm, tự đọc thông tin do Gv cung cấp. * Dùng các video về nguyên phân, giảm phân để hỗ trợ giảng dạy. * Nhấn mạnh thêm: nhiễm sắc thể vừa là vật chất mang thông tin di truyền vừa là đơn vị truyền đạt vật chất di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể.   Năm học sau:   * dạy trong phần I bài 9. Nguyên phân. * dạy trong phần I bài 10. Giảm phân. * Phân biệt được nguyên phân và giảm phân: Củng cố trong bài 10: giảm phân * Trình bày được các ứng dụng và lấy được ví dụ của nguyên phân và giảm phân trong thực tiễn: dạy trong phần III bài 11. Phát sinh giao tử và thụ tinh. |  |
| **4** | **Cơ chế xác định giới tính** | Nêu khái niệm nhiễm sắc thể giới tính và nhiễm sắc thể thường. | - Lồng ghép khi dạy nội dung ôn tập tổng kết chương cuối năm, tự đọc thông tin do Gv cung cấp.  - Dạy trong phần I bài 12.Cơ chế xác định giới tính. |  |
|  | **Di truyền liên kết** | Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập. | - Dùng sơ đồ lai để giúp học sinh dễ dàng phân biệt quy luật di truyền liên kết và quy luật phân li độc lập.  - Dạy trong phần I bài 13. Di truyền liên kết. |  |
| **5** | **ADN và gen** | * Nêu được khái niệm nucleic acid. * Nêu được sơ lược về tính đặc trưng cá thể của hệ gene và một số ứng dụng của phân tích DNA trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,... * Dựa vào sơ đồ, hình ảnh quá trình phiên mã, nêu được khái niệm phiên mã. * Nêu được khái niệm mã di truyền. * Dựa vào sơ đồ hoặc hình ảnh quá trình dịch mã, nêu được khái niệm dịch mã. * Vận dụng kiến thức “từ gene đến tính trạng”, nêu được cơ sở của sự đa dạng về tính trạng của các loài. | - Giao nhiệm vụ học tập cho HS nghiên cứu.  - Nêu tình huống để học sinh so sánh DNA, truy tìm hung thủ hoặc xác định huyết thống.  - Xem đoạn phim phiên mã và kết hợp với hình ảnh, cho học sinh mô tả lại quá trình phiên mã.  - Giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu.  - Xem đoạn phim dịch mã và kết hợp với hình ảnh, cho học sinh mô tả lại quá trình dịch mã.  - Sử dụng mảnh ghép để hoàn thành sơ đồ “Từ gene đến tính trạng”. |  |
| **6** | **Biến dị** | - Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến gene.  - Lấy được ví dụ minh hoạ. Trình bày được ý nghĩa và tác hại của đột biến nhiễm sắc thể. | - Lồng ghép khi dạy nội dung: Vai trò của đột biến gen  - Lồng ghép khi dạy nội dung: Đột biến số lượng NST |  |
| **7** | **Di truyền học người** | * Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người. * Nêu được khái niệm về bệnh và tật di truyền ở người. * Tìm hiểu được một số bệnh di truyền ở địa phương.   - Trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người.   * Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương. | - Giao bài cho HS tìm hiểu ở nhà. (Báo cáo ở bài 29. Bệnh và tật di truyền ở người)  - Vấn đáp ( Bài 29. I,II )  - Giao việc cho HS tìm hiểu báo cáo ở bài 30. Phần III  - Lồng ghép vào bài 30. Phần II.  - Lồng ghép vào bài 30. Phần II. ( Hướng dẫn HS tự tìm hiểu trước) |  |
| **8** | **Ứng dụng di truyền học** | - Tìm hiểu một số ứng dụng công nghệ di truyền trong pháp y  - Tìm hiểu một số ứng dụng công nghệ di truyền trong làm sạch môi trường, an toàn sinh học  -Đạo đức sinh học.  - Tìm hiểu sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương. | Lồng ghép trong quá trình ôn tập nội dung tổng kết chương trình toàn cấp.  - Lồng ghép trong dạy học chủ đề Ô nhiễm môi trường  -Lồng ghép trong chủ đề bảo vệ môi trường |  |
| **9** | **Tiến hóa**  – Khái niệm tiến hóa  – Chọn lọc nhân tạo  – Chọn lọc tự nhiên  – Cơ chế tiến hoá  – Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất | * Phát biểu được khái niệm tiến hoá. * Phát biểu được khái niệm chọn lọc nhân tạo. * Trình bày được một số bằng chứng của quá trình chọn lọc do con người tiến hành đưa đến sự đa dạng và thích nghi của các loài vật nuôi và cây trồng từ vài dạng hoang dại ban đầu. * Phát biểu được khái niệm chọn lọc tự nhiên. Dựa vào các hình ảnh hoặc sơ đồ, mô tả được quá trình chọn lọc tự nhiên. * Thông qua phân tích các ví dụ về tiến hoá thích nghi, chứng minh được vai trò của chọn lọc tự nhiên đối với sự hình thành đặc điểm thích nghi và đa dạng của sinh vật. * Nêu được quan điểm của Lamark về cơ chế tiến hoá. * Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hoá. * Trình bày được một số luận điểm về tiến hoá theo quan niệm của thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại (cụ thể: nguồn biến dị di truyền của quần thể, các nhân tố tiến hoá, cơ chế tiến hoá lớn). * Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự phát triển của thế giới sinh vật trên Trái Đất; nguồn gốc xuất hiện của sinh vật nhân thực từ sinh vật nhân sơ; sự xuất hiện và sự đa dạng hoá của sinh vật đa bào.   Dựa vào sơ đồ, trình bày được khái quát sự hình thành loài người. | Thời lượng: 4 tiết (không lồng ghép)  Tiết 1: học thuyết tiến hóa – Lanmark, khái niệm tiến hóa  PP: Nêu vấn đề  KTDH:  Tiết 2: học thuyết tiến hóa Dac-Uyn, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo, cơ chế tiến hóa.  PP: Nêu vấn đề  KTDH:  Tiết 3: Thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại  PP: Nêu vấn đề  KTDH:  Tiết 4: Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất  PP: Nêu vấn đề  KTDH: |  |
| **10** | **Sinh vật và môi trường** | * Phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ các môi trường sống của sinh vật. * Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh hoạ các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. * Lấy được ví dụ minh hoạ giới hạn sinh thái. | Lồng ghép trong mục I Môi trường sống của sinh vật ở bài 41  Lồng ghép tromg mục II Các nhân tố sinh thái của môi trường của bài 41  Lồng ghép ở mục III. Giới hạn sinh thái ở bài 41 |  |
| **11** | **Quần thể** | - Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể. | - Tích hợp vào bài dạy |  |
| **12** | **Quần xã** | - Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã. | - Tích hợp vào bài dạy |  |
| **13** | **Hệ sinh thái** | * Khái niệm: sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp   sinh thái.  ­Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái.   * Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp. | - Tích hợp vào bài dạy và tăng thêm thời lượng (2 tiết) |  |
| **14** | **Sinh quyển** | - Nêu được khái niệm sinh quyển. | - Lồng ghép vào bài hệ sinh thái |  |
|  | **Con người, dân số và môi trường** | * Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên. Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên. * Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên. | * Lồng ghép phần II bài 53 * Lồng ghép phần III bài 53 |  |
| **15** | **- Bảo vệ môi trường** | - Trình bày được sự cần thiết bảo vệ động vật hoang dã.  - Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (CITES).  - Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. | - Nội dung bổ sung thực hiện trong 1 tiết dạy sau bài 60: Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái.  + GV chia nhóm giao trước nội dung cho HS, đến tiết các nhóm HS báo cáo và GV đưa ra kết luận chung |  |

**NHÓM BÁO CÁO VIÊN SINH HỌC**